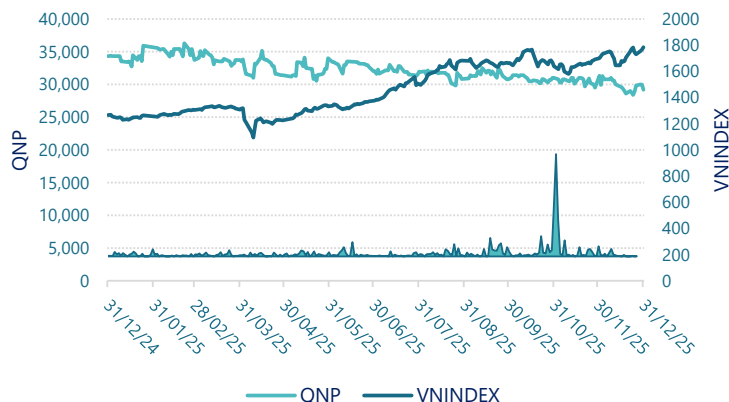




CTCP Cảng Quy Nhơn (HSX: QNP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	29,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,295
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,400
SL cổ phiếu LH	40,409,950
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,730
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,180
P/E	8.3
EPS	3,530

DT thuần

Q4/25

302

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.00| -0.4%

YoY: ▲47.0| 18.3%

LN sau thuế

Q4/25

42.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲7.20| 20.5%

YoY: ▲14.8| 53.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

17.2%

+/- YoY: ▲1.6%

DT thuần

2025

1,135

tỷ VNĐ

YoY: ▼23.0| -1.9%

LN sau thuế

2025

143

tỷ VNĐ

YoY: ▲15.0| 11.3%

ROE

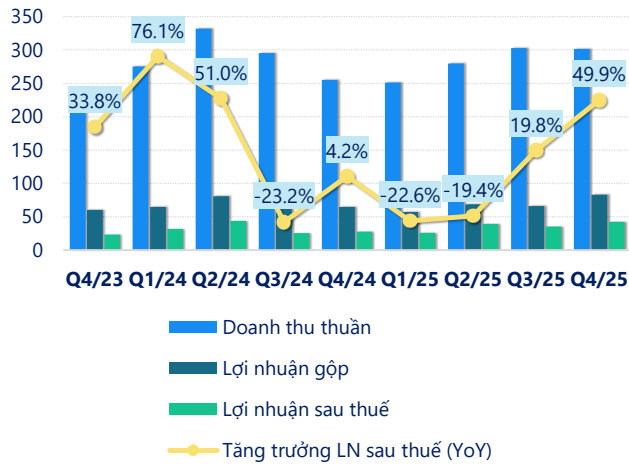
2025

15.7%

+/- YoY: ▲0.7%

tỷ VNĐ

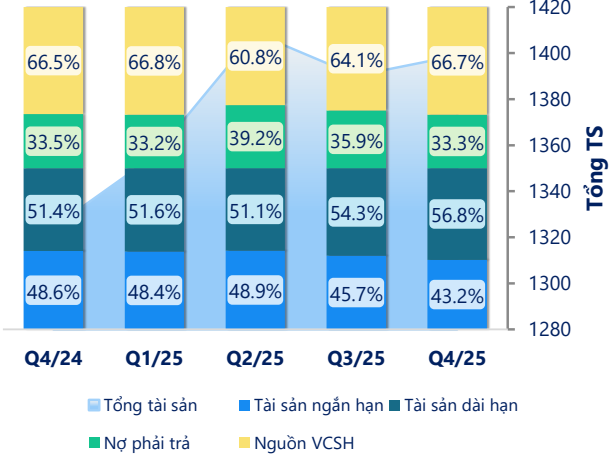
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

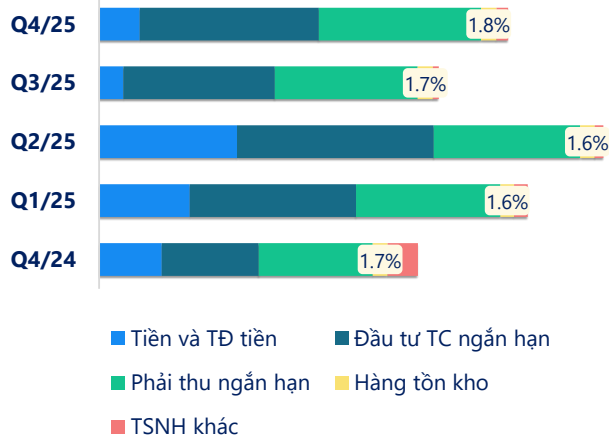
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



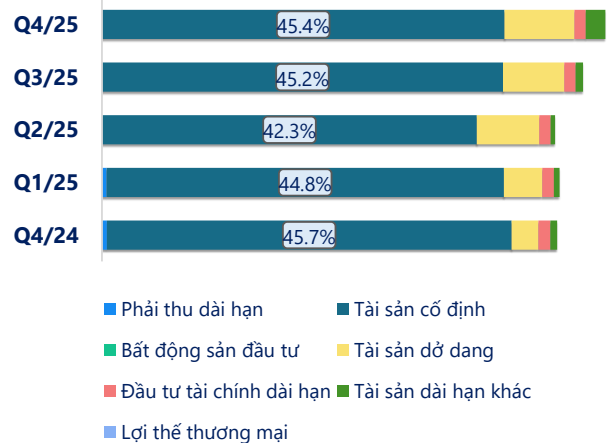
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

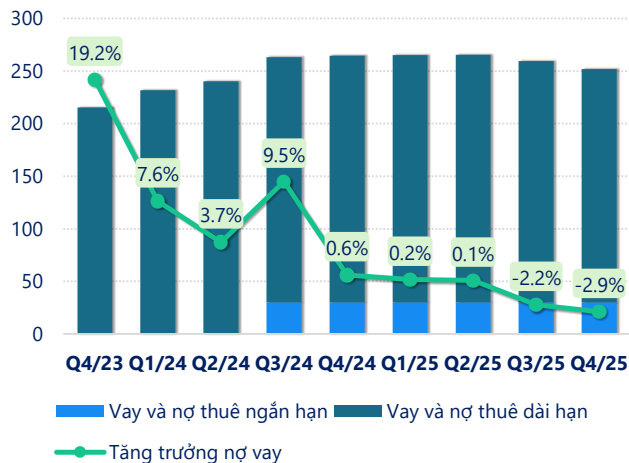
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

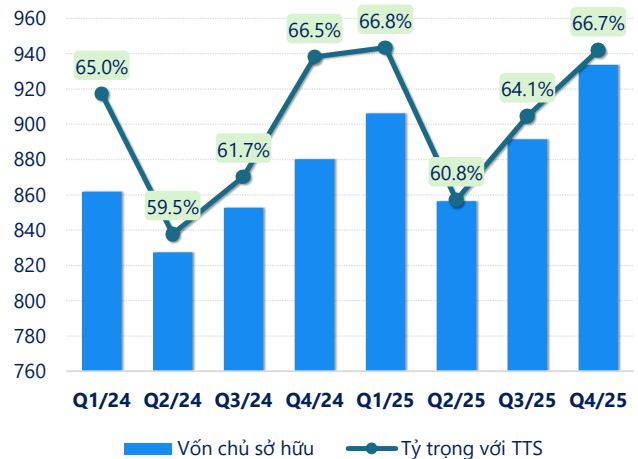
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

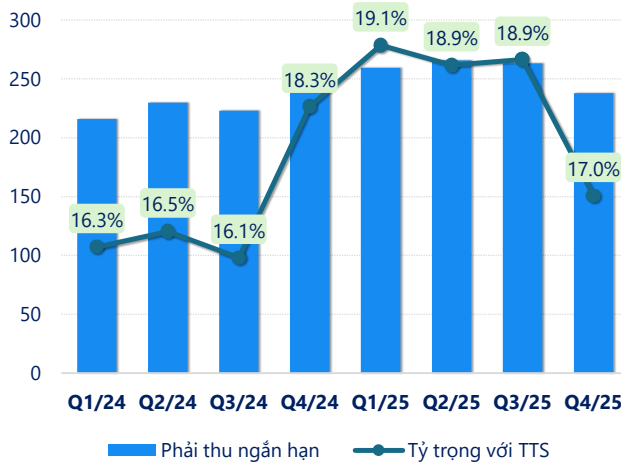
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



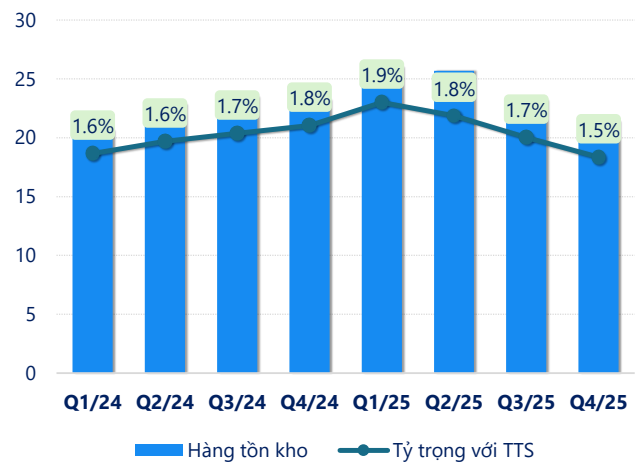
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


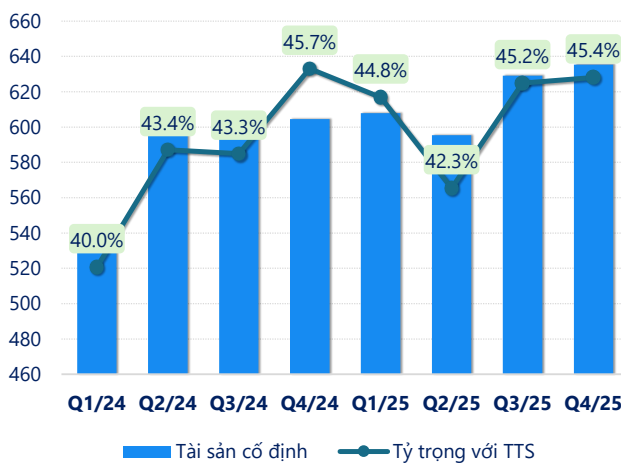
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


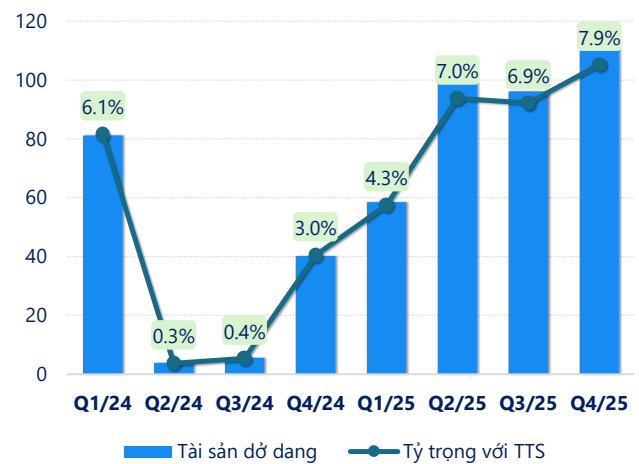
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

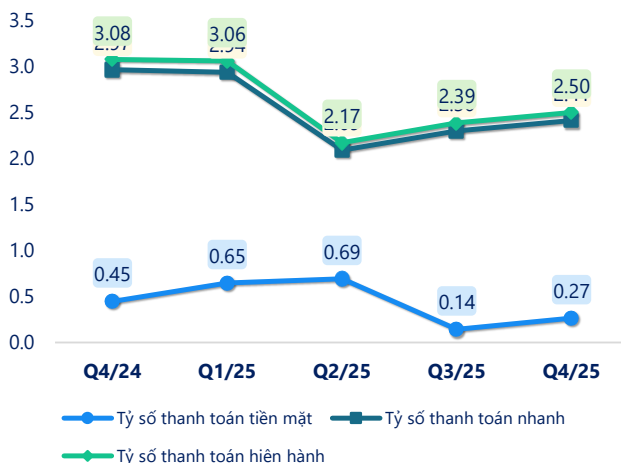
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

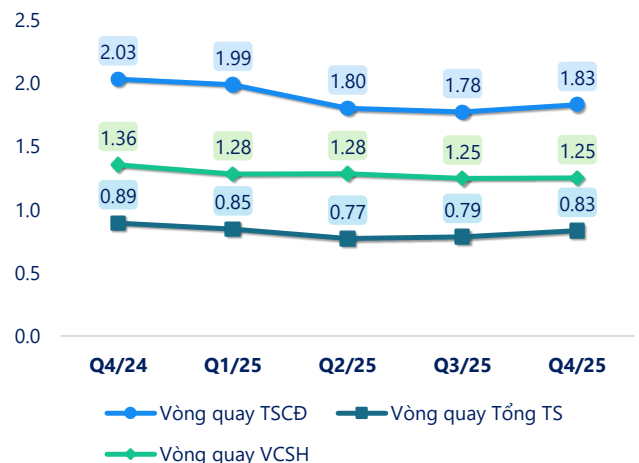
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,324	1,355	1,409	1,390	1,399
Tài sản ngắn hạn	644	656	689	636	604
Tiền và tương đương tiền	93.7	139	219	38.1	64.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	268	220	170	307	275
Phải thu ngắn hạn	242	259	266	263	238
Hàng tồn kho	23.2	26.0	25.7	23.2	21.4
Tài sản ngắn hạn khác	17.2	11.0	7.43	3.59	6.25
Tài sản dài hạn	680	700	720	755	795
Phải thu dài hạn	7.35	6.97	0.38	0.00	0.00
Tài sản cố định	605	608	595	629	635
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	40.2	58.5	99.1	96.1	110
Đầu tư tài chính dài hạn	18.0	18.0	18.0	18.0	18.0
Tài sản dài hạn khác	10.1	8.63	7.17	11.6	30.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	444	449	552	499	465
Nợ ngắn hạn	209	214	317	266	242
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30.0	30.0	30.0	30.0	30.0
Phải trả người bán ngắn hạn	93.0	112	115	101	93.5
Nợ dài hạn	235	235	235	232	224
Vay và nợ thuê dài hạn	235	235	235	229	222
Nguồn vốn chủ sở hữu	880	906	856	891	934
Vốn chủ sở hữu	880	906	856	891	934
Vốn điều lệ	404	404	404	404	404
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)